TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-PT
Ngày: 19/04/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các thẩm phán: Ông Sùng A Xà.

Bà Trần Thị Lan.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Giáp Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên* tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Công - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2018/HSPT-HS, ngày 09/3/2018 đối với các bị cáo: Cà Văn M và đồng phạm. Do có kháng cáo của người bị hại ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: Cà Văn M, (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1979 tại Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cà Văn C và bà: Cà Thị N (đã chết); cùng chung sống với: Lò Thị T và 03 con, con lớn nhất 14 tuổi, con nhỏ nhất 03 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị tạm giam từ ngày 23/8/2017 cho đến này có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Cà Văn D (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1974 tại Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ văn hóa: 2/12 phổ thông; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cà Văn C và bà Cà Thị N (đã chết); có vợ: Quàng Thị M và 02 con, con lớn 17 tuổi, con nhỏ 15 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị tạm giam từ ngày 27/9/2017 cho đến này có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Cà Văn D1 (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1978 tại Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ văn hóa: 3/12 phổ thông; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cà Văn C và bà Cà Thị N (đã chết); có vợ: Lò Thị L và 02 con, con lớn 16 tuổi, con nhỏ 13 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị tạm giam từ ngày 06/7/2017 cho đến ngày 07/1/2018, được trả tự do (đã chấp hành xong hình phạt tù). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Những người bị hại:*

- Ông Cao Xuân N - Sinh năm: 1987. Có mặt.

- Bà Quàng Thị T - Sinh năm: 1978. Có mặt.

+ Cùng trú tại: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Cà Văn N - Sinh ngày: 19/01/2001. Có mặt.

- Trú tại: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

** Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cà Văn N có bà*: Lò Thị L - Sinh năm: 1979. Có mặt.

- Trú tại: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

** Những người làm chứng:*

- Ông Lò Văn B - Sinh năm: 1977. Có mặt.

- Ông Lò Văn Đ - Sinh năm: 1988. Vắng mặt.

+ Cùng trú tại: Bản M1, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn Ă - Sinh năm: 1958. Vắng mặt.

+ Trú tại: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn H - Sinh năm: 1976. Vắng mặt.

+ Trú tại: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Lò Thị D2 - Sinh năm: 1984. Có mặt.

- Ông Quàng Văn C - Sinh năm: 1982. Vắng mặt.

- Lường Thị B - Sinh năm: 1976. Vắng mặt.

- Anh Lường Văn B - Sinh ngày: 20/5/2000. Có mặt.

** Người đại diện hợp pháp cho cháu Lường Văn B* có Ông Lường Văn H - Sinh năm: 1971. Có mặt.

+ Cùng trú tại: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Quàng Văn C - Sinh năm: 1984. Có mặt.

+ Trú tại: Bản C, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

* *Người giám định*: Ông Hoàng Tiến T - Giám định viên pháp y, Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

* *Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Cao Xuân N, Quàng Thị T có:* Ông Phạm Đình K - Luật sư, văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Địa chỉ: Số nhà abc, phố d, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

* *Người phiên dịch có:* Anh Lò Văn H - Sinh năm: 1997. Có mặt.

- Địa chỉ: Tổ 1Z, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 30/3/2017, Cà Văn D1 và Cao Xuân N ăn cơm tại nhà ông ông Lò Văn B, hai người tranh cãi lời qua tiếng lại, Cao Xuân N nhặt chiếc búa đinh của nhà ông B định đánh Cà Văn D nhưng được ông B và ông Lò Văn H can ngăn. Sau khi N về nhà, Cà Văn D1 còn đến cổng nhà N to tiếng, hai bên tiếp tục có lời qua tiếng lại và thách thức nhau. Đến khoảng 16 giờ ngày 30/3/2017, Cà Văn D điều khiển xe môtô biển kiểm soát 27Z1-032m đi trên đường quốc lộ 12 theo hướng Đ - M để xem ruộng của gia đình, khi đến khu vực gần cây xăng thuộc bản M, xã M, huyện Đ thì gặp Cao Xuân N đang điều khiển xe môtô biển kiểm soát 22Y1-764v đi ngược chiều, phía sau chở Quàng Thị T và cây chuối. D1 điều khiển xe quay ngược lại đuổi theo N rồi đi sát gần xe của N, dùng chân phải đạp vào cây chuối làm N điều khiển xe đi loạng choạng nhưng không đổ; sau đó, D1 đi vượt lên ép xe của N vào lề đường bên phải hướng đang đi, N dừng xe lại sát lề đường cách nhà Lò Thị D2, sinh năm 1984, ở bản M khoảng 30m (gần đối diện phía trước cửa nhà của D2), D1 vượt lên phía trước cách xe của N 10,9m thì dừng lại. N và D1 xuống xe cùng lao vào và dùng tay chân đấm đá nhau, còn T vẫn đeo chiếc gùi cỏ sau lưng ngồi trên xe một chân trống xuống đất. Lúc đó, Cà Văn D (là anh trai ruột của D1) đang ngồi chơi ở nhà Lò Thị D2, D2 nói với Cà Văn D : "*Bác Dũng ơi, đi xem chúng nó đánh nhau kìa*", D chạy xuống đường nhìn thấy N và D1 đang đánh nhau. Cùng thời điểm đó Cà Văn N (là con trai của D1) đang chăn trâu ở gần khu vực cây xăng nghe thấy tiếng cãi nhau, đã chạy ra đường xem thì thấy D1 đang đánh nhau với N, N quay lại mượn xe máy ở chỗ chăn trâu đi gọi Cà Văn D, N nói với M: "*Đi xem cùng cháu với, vợ chồng N, T đánh bố cháu*", nghe vậy M chạy xuống dưới sàn nhà nhặt một đoạn gậy gỗ đã khô, hình trụ tròn, mật độ chắc dài khoảng 01m mang theo rồi ngồi lên sau xe của N. Niên gọi Lường Văn B (bạn cùng bản) đi cùng nhưng không nói với B là đi đâu.

Khi D, M, N đến nơi thấy N và D1 đang đánh nhau, còn T đã xuống xe hai tay lấy hai con dao từ trong gùi đựng rau đang đeo phía sau lưng ra dơ lên trước mặt hướng về phía D1 và N đang đánh nhau (khoảng cách giữa T với chỗ N và

D1 đánh cách nhau 5m). D liền rút một đoạn gậy tre tròn, dài 1,48m ở bờ rào nhà D2 chạy về phía bên trái của T cầm gậy bằng hai tay vụt một nhát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào hai tay của T làm rơi hai con dao xuống mặt đường, gây thương tích cho T là 3%. Khi T lùi lại phía sau đang cúi xuống định nhặt dao thì ngay lúc đó M đứng phía bên phải cách thơm 1,1m cầm đoạn gậy gỗ đem theo dùng hai tay vụt ngang mặt từ phải qua trái vào vùng mặt bên trái của T, tiếp đó M vụt theo hướng ngược lại một nhát trượt qua đầu xuống mặt làm T ngã úp mặt xuống đường gây thương tích cho T là 36,5%, T bò ra gần vạch kẻ giữa đường thì ngất xỉu. Sau đó, M nhặt hai con dao của T vừa bị rơi ném về phía UBND xã M hướng đi Điện Biên rồi M cầm gậy gỗ đến chỗ N và D1 đang đánh nhau, thấy N và D1 đang giằng co với nhau M quát to: *"N ơi, mày muốn chết à"*. Sau đó, D cầm đoạn gậy tre vụt một nhát vào vai phải của N làm cả N và D1 trượt chân cũng ngã xuống dãnh nước cạnh đường quốc lộ, gây thương tích cho Nam là 1%. Khi N quay mặt hướng taluy dương định chạy lên phía đồi sắn thì bị N và M kéo lại, D1 nhặt được con dao có chiều dài 36,5cm (là dao của T do M ném đi lúc trước rơi gần đó) quay lại thấy N đang lồm cồm bò lên phía taluy dương, D1 chém một nhát về phía N vào trúng phần đỉnh đầu phía bên trái gây thương tích cho Nam là 6%. Lúc đó, Niên đang đứng ở lề đường nhảy qua rãnh nước sang dùng chân phải đá ba phát vào phần lưng bên trái của N rồi cầm một con dao nhọn dài 57cm (do N mang theo) dùng sống dao đánh một phát vào vai bên trái của N, gây thương tích cho N là 4%, đồng thời M cũng nhảy qua rãnh nước dùng đoạn gậy lúc trước vụt một nhát vào tay phải của N, gây thương tích cho N là 8%. Sau khi bị M đánh, N bỏ chạy lên phía đồi sắn, D1 đuổi theo một đoạn thì không đuổi nữa do thấy máu trên đầu của N chảy nhiều nên sợ, D1 quay lại nhặt hai con dao đi về nhà (là dao của T mang đi rừng). Sau đó, N chạy quay xuống đường Quốc lộ 12 đến Công an xã M trình báo, Quàng Thị T được bà Lò Thị L (vợ của D1) đưa đến trạm y tế xã M cấp cứu, do vết thương nặng nên bà T được người nhà đưa đi cứu chữa và điều trị tại Bệnh viên Đa khoa tỉnh Điện Biên từ 30/3/2017 đến ngày 07/4/2017.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 27/TgT ngày 03/5/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Quàng Thị T hiện tại là 39,81% (làm tròn số là 40%), các dấu vết thương tích để lại trên thân thể Quàng Thị T là do tác động của ngoại lực gây nên. (Trong đó: 02 sẹo phần mềm ở dưới mặt sau cánh tay trái = 2%; 01 sẹo phần mềm ở 1/3 giữa mặt ngoài cẳng tay trái = 1%; 01 sẹo phần mềm ở vùng đỉnh phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở vùng chẩm = 1%; 01 sẹo phần mềm ở môi trên bên phải hình chữ L = 1%; 01 sẹo niêm mạc môi trên bên phải hình chữ L = 1%, gãy xương mũi chính = 9%; gãy răng R2,3 = 1,5%, gãy xương hàm trên bên phải = 9%; vỡ xoang hàm hai bên, còn tụ dịch trong xoang = 13%).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 26/TgT ngày 19/4/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên kết luận: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Cao Xuân N hiện tại là 19% các dấu vết thương tích để lại trên thân thể Cao Xuân N là do tác động của ngoại lực gây nên. (Trong đó: 01 sẹo phần mềm ở cùng đỉnh trái = 1%; chấn động não điều trị ổn định = 5% ; 01 sẹo phần mềm ở mặt sau khủy tay trái = 1%; 01 sẹo phần mềm ở 1/3 dưới

mặt sau ngoài cẳng tay trái = 1%; 01 sẹo phần mềm ở bả vai trái = 1%; 04 sẹo phần mềm ở vùng thắt lưng = 3%; 01 sẹo phần mềm ở dưới xương bả vai phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở mặt sau ngoài cẳng tay phải = 8%).

Tại các Bản kết luận giám định Pháp y về vật gây thương tích số: 37 và 38/GĐ-PY ngày 02/6/2017; số: 65 và 66/GĐ-PY ngày 13/9/2017 kết luận: Con dao, gậy gỗ, gậy tre mà cơ quan điều tra đã thu giữ tại hiện trường có thể gây nên thương tích đối với Cao Xuân N, Quàng Thị T và phù hợp với cơ chế hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật tày gây nên như mô tả trong hồ sơ bệnh án và các bản kết luận giám định pháp y của Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên về thương tích đối với Cao Xuân N và Quàng Thị T.

Ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T đều có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Cà Văn D1, Cà Văn D, Cà Văn M, không yêu cầu khởi tố hình sự đối với Cà Văn N mà đề nghị xử lý hành chính đối với Cà Văn N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 104/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 3 Điều 134/BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Các bị cáo Cà Văn M, Cà Văn D, Cà Văn D1 phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

2. Áp dụng: Khoản 3 Điều 104/BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38/BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cà Văn M 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (23/8/2017).

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 104/BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38/BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cà Văn D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (27/9/2017).

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 104/BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cà Văn D1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (06/7/2017).

5. Áp dụng: Khoản 2 Điều 48/BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1, khoản 2 Điều 586, Điều 587, Điều 590/BLDS:

Chấp nhận sự thỏa thuận của những người bị hại và các bị cáo, người liên quan về mức bồi thường thiệt hại sức khỏe.

Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại sức khỏe cho ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Cao Xuân N là 30.000.000 đồng, bồi thường cho bà Quàng Thị T 35.000.000 đồng, bao gồm các khoản tiền sau: Tiền viện phí và tiền thuốc, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền thu nhập thực tế bị mất của ông N và bà T, tiền công chăm sóc và tiền mất thu nhập của người chăm sóc, tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần.

Cụ thể như sau:

- Bị cáo Cà Văn M phải bồi thường cho ông Cao Xuân N 12.631.000 đồng và bồi thường cho bà Quàng Thị T: 32.375.000 đồng.

- Bị cáo Cà Văn D phải bồi thường cho ông Cao Xuân N 1.579.000 đồng và bồi thường cho bà Quàng Thị T: 2.625.000, đồng

- Bị cáo Cà Văn D1 phải bồi thường cho ông Cao Xuân N 9.474.000 đồng nhưng khấu trừ số tiền đã bồi thường là 5.900.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 3.574.000 đồng.

- Bà Lò Thị L, Ông Cà Văn D1 (bố, mẹ của Cà Văn N) phải bồi thường cho Cao Xuân N 6.316.000 đồng.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Cao Xuân N, bà Quàng Thị T, nếu các bị cáo và bà Lò Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền phải bồi thường nêu trên thì hàng tháng các bị cáo và bà L còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi tuyên án, ngày 01/02/2018 những người bị hại ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của TAND huyện Đ với các nội dung như sau:

- Mức hình phạt của các bị cáo quá nhẹ so với hành vi phạm tội đã gây ra.

- Vụ án vi phạm và sai sót rất nhiều về nội dung và hình thức.

- Bắt và xử lý Cà Văn N theo quy định của pháp luật.

- Làm rõ và xử lý Lường Văn B theo quy định của pháp luật.

- Buộc các bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần và danh dự cho những người bị hại.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ngồi duy trì quyền công tố khẳng định: Việc điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm là: Đúng người, đúng tội, không oan, sai; không chấp nhận đơn kháng cáo của những người bị hại về nội dung và đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của các bị cáo; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo. Sau khi kiểm tra, xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai nhận tội của các bị cáo ở tại cơ quan Điều tra cũng như ở tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất nội dung vụ án để áp dụng tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Những người bị hại ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

[2] Sau khi xem xét đơn kháng cáo của những người bị hại và nội dung những người bị hại trình bày ở tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về hình thức: Những người bị hại ông Cao Xuân N, bà Quàng Thị T làm đơn kháng cáo đề ngày 01/02/2018 được coi là hợp lệ theo quy định tại Điều 231; 233; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 (nay là Điều 331; Điều 332; Điều 333/BLTTHS năm 2015). HĐXX phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình thức đơn kháng cáo.

Về nội dung: Khoảng 13 giờ ngày 30/3/2017, Cà Văn D1 và Cao Xuân N cùng ăn cơm trưa ở nhà ông Lò Văn B (cùng bản). Tại đây, D1 và N đã to tiếng, xích mích với nhau, N đã lấy búa đinh của nhà ông B định đánh D1 nhưng được ông Lò Văn B và ông Lò Văn H can ngăn, N bỏ về nhà một lúc sau cầm theo một con dao cùng với T quay lại nhà ông B đứng phía dưới sàn nhà thách thức, lăng mạ D1, ông B và ông H đã xuống giằng con dao từ tay N ném vào trong nhà máy sát của ông B và bảo vợ chồng T, N đi về. Khoảng 14 giờ cùng ngày D1 trên đường đến làm giúp cho nhà ông B, khi đi qua nhà N, T; D1 và N, T lại tiếp tục gây gổ to tiếng thách thức nhau. Đến khoảng 16 giờ ngày 30/3/2017 tại Quốc lộ 12, khu vực bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Cà Văn D1 gặp Cao Xuân N và Quàng Thị T đi rừng về, D1 đã điều khiển xe máy áp sát xe máy của N, T và chặn đầu xe buộc N phải dừng xe xuống, N và D1 lao vào đánh nhau. Cà Văn D (là anh trai của D1) đang ngồi chơi ở nhà bà D2 gần đó thấy vậy, đã nhặt đoạn gậy tre ở bờ rào chạy ra đánh N, T. Cà văn M (là em trai của D1) đang ở nhà thì được Cà Văn N (con của Cà Văn D1) thông báo về việc đánh nhau nên M đã cầm theo đoạn gậy gỗ đi xe máy với N đến cùng đánh N, T.

Trong quá trình đánh nhau, D1 đã dùng con dao dài 36,5cm (dao của vợ chồng Cao Xuân N, Quàng Thị T) chém vào đầu N, gây thương tích với tỉ lệ tổn thương 6% và gây thương tích ở tay trái N với tỉ lệ tổn thương 2%; Cà Văn M đã có hành vi dùng gậy gỗ vụt trúng đầu và mặt Quàng Thị T gây thương tích với tỉ lệ tổn thương là 36,5%, M còn dùng gậy gỗ đánh vào tay phải của N gây thương tích với tỉ lệ 8%; Cà Văn D dùng gậy tre đánh vào tay trái của T gây thương tích với tỉ lệ 3% và đánh vào vai của N gây thương tích với tỉ lệ 1%; Cà Văn N dùng con dao nhọn dài 57cm đánh vào lưng và vai của N gây thương tích với tỉ lệ 4%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Quàng Thị T là 40%, trong đó: Cà Văn M gây tổn hại 36,5%, Cà Văn D gây tổn hại 3%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Cao Xuân N là 19%, trong đó: Cà Văn M gây tổn hại 8%, Cà Văn D gây tổn hại 1%, Cà Văn D1 gây tổn hại 6% và Cà Văn N gây tổn hại 4%.

Các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm (dao, gậy gỗ, gậy tre) gây thương tích cho ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T. Ông N và bà T có đơn đề nghị khởi tố và xử lý hình sự đối với Cà Văn D1, Cà Văn D, Cà Văn M, ông Cao Xuân N không yêu cầu khởi tố hình sự đối với Cà Văn N nên N không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Những người bị hại cho rằng mức hình phạt của các bị cáo là quá nhẹ so với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét rất kỹ các tình tiết, nội dung vụ án; căn cứ vào lời khai của các bị cáo, những người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và mức độ tổn thương cơ thể các bị cáo đã gây ra cho những người bị hại; các tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tuyên bố các bị cáo đã phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại Điều 104/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là Điều 134/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017), quyết định hình phạt và một số vấn đề khác đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật; các bị cáo không bị oan, sai. Mâu thuẫn xảy ra dẫn đến hậu quả như vậy cũng phải kể đến một phần lỗi của người bị hại Cao Xuân N, Quàng Thị T. Đơn kháng cáo của những người bị hại còn cho rằng vụ án vi phạm và sai sót nhiều về nội dung và hình thức nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, những người bị hại cũng không xuất trình thêm được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh có sự vi phạm, sai sót trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để để xem xét.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm người bị hại Cao Xuân N và Quàng Thị T đã có đơn đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ việc theo hướng yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Cà Văn M, Cà Văn D, Cà Văn D1 và xử lý hành chính đối với Cà Văn N về hành vi cố ý gây thương tích (BL 371, 372, 372a). Ngày 28/9/2017, cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Cà Văn N (BL 411a). Trong đơn kháng cáo đề ngày 01/02/2018, những người bị hại lại yêu cầu bắt và xử lý Cà Văn N theo quy định của pháp luật. HĐXX phúc thẩm xét thấy, tại giai đoạn sơ thẩm Cà Văn N đã bị xử phạt hành chính và Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã yêu cầu Cà Văn N phải bồi thường cho người bị hại Cao Xuân N số tiền 6.316.000 đồng bà Lò Thị L và ông Cà Văn D1 (bố, mẹ của Cà Văn N) phải có trách nhiệm bồi thường. Do đó, đề nghị của những người bị hại là không có cơ sở, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

Người bị hại Cao Xuân N và Quàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử người thứ năm cùng tham gia vào vụ án là Lường Văn B. HĐXX phúc thẩm thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm đã nhận định Lường Văn B có mặt tại hiện trường vụ án nhưng Lường Văn B không tham gia đánh ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T; Cơ quan giám định pháp y tỉnh Điện Biên cũng kết

luận các dấu vết thương tích trên cơ thể ông N và bà T là do Cà Văn M, Cà Văn D, Cà Văn D1, Cà Văn N gây nên không có cơ chế hình thành vết thương do Lường Văn B gây ra. Vì vậy, HĐXX không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Về phần trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại Cao Xuân N và Quàng Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần và danh dự nhân phẩm số tiền 65.000.000 đồng (trong đó: Bồi thường cho ông N là 30.000.000 đồng, bồi thường cho bà T 35.000.000 đồng, bao gồm các khoản tiền sau: Tiền viện phí và tiền thuốc, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền thu nhập thực tế bị mất của ông N và bà T, tiền công chăm sóc và tiền mất thu nhập của người chăm sóc, tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần) các bị cáo đều nhất trí với mức bồi thường trên. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và những người bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người bị hại không cung cấp thêm được các chứng cứ để yêu cầu tăng mức bồi thường đối với các bị cáo. Do đó, HĐXX phúc thẩm không đưa ra xem xét giải quyết.

Người bị hại ông Cao Xuân N cho rằng bị cáo Cà Văn D1 lúc đánh nhau đã xé túi áo ngực của người bị hại và lấy đi số tiền 250.000 đồng, yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đó cho ông Cao Xuân N. Nhưng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cà Văn D1 không thừa nhận đã lấy số tiền đó, người bị hại cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm những người bị hại không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho nội dung đơn kháng cáo của mình là có căn cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của những người bị hại, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm. HĐXX phúc thẩm thấy rằng, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Cần căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí; Lệ phí Tòa án, buộc những người bị hại ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người bị hại ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2018/HS-ST, ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Tuyên bố: Các bị cáo **Cà Văn M, Cà Văn D, Cà Văn D1** phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

3. Áp dụng: Khoản 3 Điều 104/BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điểm c khoản 3 Điều 134/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Cà Văn M 06** (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (23/8/2017).

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 104/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 134/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Cà Văn D 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (27/9/2017).

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 104/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 134/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, i, s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Cà Văn D1 07** (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 06/7/2017 cho đến ngày 07/1/2018 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48/BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1, khoản 2 Điều 586, Điều 587, Điều 590/BLDS:

Chấp nhận sự thỏa thuận của những người bị hại và các bị cáo, người liên quan về mức bồi thường thiệt hại sức khỏe.

Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại sức khỏe cho ông Cao Xuân N và bà Quàng Thị T với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Cao Xuân N là 30.000.000 đồng, bồi thường cho bà Quàng Thị T 35.000.000 đồng, bao gồm các khoản tiền sau: Tiền viện phí và tiền thuốc, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền thu nhập thực tế bị mất của ông N và bà T, tiền công chăm sóc và tiền mất thu nhập của người chăm sóc, tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần.

Cụ thể như sau:

- Bị cáo Cà Văn M phải bồi thường cho ông Cao Xuân N 12.631.000, đồng *(mười hai triệu, sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng)* và bồi thường cho bà Quàng Thị T 32.375.000 đồng (*ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

- Bị cáo Cà Văn D phải bồi thường cho ông Cao Xuân N 1.579.000, đồng *(một triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng)* và bồi thường cho bà Quàng Thị T: 2.625.000, đồng *(hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

- Bị cáo Cà Văn D1 phải bồi thường cho ông Cao Xuân N 9.474.000, đồng nhưng khấu trừ số tiền đã bồi thường là 5.900.000, đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 3.574.000, đồng *(ba triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng)*.

- Bà Lò Thị L, Ông Văn D1 (bố, mẹ của Cà Văn N) phải bồi thường cho Cao Xuân N 6.316.000, đồng (*sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng)*.

6. Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (khóa 14) quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc những người bị hại ông Cao Xuân N và và Quàng Thị T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự Phúc thẩm.

7. Các quyết định khác trong bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/04/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- TAND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Những người bị hại;
- Nhười bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng Hành chính-Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS tp. Điện Biên Phủ;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng